TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2026
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Hồng Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;

2. Bà Bà Phạm Thị Phúc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Bắc Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22-5-2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2026/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 06/5/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Sỹ L, sinh năm 1947; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, tỉnh Bắc Ninh - (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Đào Thị T, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, tỉnh Bắc Ninh - (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, ý kiến trong hồ sơ vụ án ông Ngô Sỹ L trình bày:

Ông L và bà T tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 27/5/2004 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND phường P, tỉnh Bắc Ninh). Sau kết hôn, vợ chồng về chung sống tại phường P, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống bình thường cho đến năm 2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bà T không có tình cảm với ông L nên bà T đã bỏ về quê thôn B, xã T ở, nên vợ chồng sống ly từ đó đến nay không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay ông L không còn tình cảm vợ chồng với bà T, ông L xin ly hôn bà T và có đơn xin vắng mặt.

- Về con chung: Vợ chồng ông L, bà T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng ông L, bà T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại ý kiến trong hồ sơ bà Đào Thị T trình bày:

Bà T và ông L tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 27/5/2004 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND phường P, tỉnh Bắc Ninh). Sau kết hôn, vợ chồng về chung sống tại phường P, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống mặn mà được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do ông L có con riêng với vợ cũ, mọi người hay nói ra vào, kích động nên tình cảm vợ chồng bị sứt mẻ, bà T đã bỏ về quê ở thôn B, xã T ở từ năm 2014, nên vợ chồng đã sống ly từ đó đến nay không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay bà T không còn tình cảm vợ chồng với ông L, ông L xin ly hôn bà T đồng ý và có đơn xin vắng mặt.

- Về con chung: Vợ chồng bà T, ông L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng bà T, ông L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh ngày 26/3/2026 chính quyền địa phương xã T, tỉnh Bắc Ninh cung cấp như sau: Bà T có đăng ký hộ khẩu tại thôn B, xã T, tỉnh bắc Ninh. Bà T và ông L ở Khu phố T, phường P, tỉnh Bắc Ninh có đăng ký kết hôn khoảng năm 2004, tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND phường P, tỉnh Bắc Ninh). Địa phương không nắm được về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T1 và ông L như thế nào, nhưng khoảng 05 năm trở lại đây thì địa phương thấy bà T về sinh sống tại thôn B, xã T và hiện nay không còn chung sống với ông L nữa.

- Về con chung: Vợ chồng bà T, ông L không có.

- Về tài sản, công nợ chung: Địa phương không nắm được.

Nay ông L xin ly hôn bà T, địa phương không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

****** *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Bắc Ninh đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Ngô Sỹ L ly hôn bà Đào Thị T.

- Về án phí: Ông L là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông L xin ly hôn bà T; Bà T có địa chỉ cư trú tại xã T, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn xin ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn".

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L, bà T. Ông L, bà T có đơn xin vắng mặt do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L, bà T.

[2] xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Ông L và bà T tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 27/5/2004 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND phường P, tỉnh Bắc Ninh). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình.

Qua lời khai của ông L, bà T, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương có căn cứ khẳng định: Vợ chồng ông L, bà T đến năm 2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bà T không có tình cảm với ông L nên bà T bỏ về quê ở thôn B, xã T ở, nên vợ chồng sống ly từ đó đến nay không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà T. Có căn cứ để xác định vợ chồng ông L, bà T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là phải yêu thương, tôn trọng và chung sống cùng nhau theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa ông L, bà T đã trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho ông L được ly hôn với bà T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về việc nuôi con: Các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Ông Ngô Sỹ L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn tiền án phí ly hôn cho ông L.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, Khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Sỹ L được ly hôn bà Đào Thị T.

2. Về tiền án phí: Miễn tiền án phí ly hôn cho ông Ngô Sỹ L.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 3 – Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Thảo